

Số: 2003/QĐ-ĐHTDM

Bình Dương, ngày 29 tháng 12 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công nhận thí sinh trúng tuyển kỳ thi tuyển sinh cao học
Khóa 8 (Đợt 2) năm 2020**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỦ DẦU MỘT

Căn cứ Luật số 08/2012/QH13 ngày 18/06/2012 và Luật số 34/2018/QH14 Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật giáo dục đại học ngày 19 tháng 11 năm 2018 của Quốc hội Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Thông tư 15/2014/TT-BGDĐT ngày 15/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ;

Căn cứ Quyết định số 06/QĐ - HĐTr ngày 02/7/2019 của Chủ tịch Hội đồng Trường Đại học Thủ Dầu Một về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Thủ Dầu Một;

Căn cứ Thông báo số 44/TB-ĐHTDM ngày 08/07/2020 của Hiệu trưởng về việc tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ khóa 8 (đợt 2) năm 2020;

Căn cứ Thông báo số 105/TB-ĐHTDM ngày 16/12/2020 của Chủ tịch Hội đồng tuyển sinh về việc điểm chuẩn trúng tuyển kỳ thi tuyển sinh cao học khóa 8 (đợt 2) năm 2020;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận 118 thí sinh đã trúng tuyển kỳ thi tuyển và xét tuyển sinh cao học khóa 8 (đợt 2) năm 2020 thuộc các chuyên ngành sau
(danh sách đính kèm).

Điều 2. Ban thư ký Hội đồng tuyển sinh có trách nhiệm thông báo danh sách trúng tuyển, gửi giấy báo nhập học cho các học viên có tên trong danh sách trúng tuyển và báo cáo Bộ Giáo dục và Đào tạo theo Quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ.

Điều 3. Giám đốc Viện Đào tạo Sau đại học, Trưởng các đơn vị có liên quan và các Ông/Bà có tên ở Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Bộ GD&ĐT (để báo cáo);
- Như Điều 3;
- Lưu: VP, ĐTSĐH.



PGS-TS. Hoàng Trọng Quyền

KẾT QUẢ THI SINH THI TRÚNG TUYỂN

Kỳ thi tuyển sinh cao học Khóa 8 (đợt 2) năm 2020

(Ban hành kèm theo QĐ số: 1/QĐ-ĐHTDM ngày 29 tháng 12 năm 2020
của Hiệu trưởng Trường Đại học Thủ Dầu Một)

Stt	SBD		Họ	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Ngành học	Lớp	Môn 1	Môn 2	Tổng	Điểm Ngoại ngữ	Gh chú
1	QT	003	Phan Văn	Nhân	Nam	24/07/1995	Quảng Trị	Quản Trị Kinh Doanh	CH20QT02	8	8 -	16	66	
2	QT	004	Nguyễn Thanh	Tâm	Nam	30/08/1995	Sông Bé	Quản Trị Kinh Doanh	CH20QT02	8	8	16	69	
3	QT	005	Trần Minh	Dũng	Nam	08/12/1994	Bình Dương	Quản Trị Kinh Doanh	CH20QT02	8.875	6.5	15.375	64	
4	QT	006	Lê Thị Hồng	Nhi	Nữ	11/09/1994	Bình Phước	Quản Trị Kinh Doanh	CH20QT02	8	8	16	66	
5	QT	008	Trương Lưu	Hoài	Nữ	24/04/1997	Bình Dương	Quản Trị Kinh Doanh	CH20QT02	7.125	7.9	15.025	70	
6	QT	011	Đỗ Thị	Thủy	Nữ	10/04/1994	Bắc Giang	Quản Trị Kinh Doanh	CH20QT02	9	5.75	14.75	58	
7	QT	016	Trần Thị Mỹ	Trinh	Nữ	22/10/1993	Quảng Ngãi	Quản Trị Kinh Doanh	CH20QT02	9	7.5	16.5	75	
8	QT	017	Phạm Quốc	Bình	Nam	22/08/1989	Nam Định	Quản Trị Kinh Doanh	CH20QT02	8.875	7.8	16.675	74	
9	QT	018	Lê Hữu	Chung	Nam	28/07/1994	Bình Phước	Quản Trị Kinh Doanh	CH20QT02	7.735	8	15.735	64	
10	QT	019	Nguyễn Thanh	Tú	Nam	01/07/1983	Tây Ninh	Quản Trị Kinh Doanh	CH20QT02	9.5	8.5	18	71	
11	QT	020	Nguyễn Võ Thùy	Dung	Nữ	12/02/1992	Sông Bé	Quản Trị Kinh Doanh	CH20QT02	9	8.5	17.5	82	
12	QT	021	Nguyễn Thị	Bé	Nữ	15/05/1992	Quảng Ngãi	Quản Trị Kinh Doanh	CH20QT02	8	8.5	16.5	68	
13	QT	023	Lê Hoàng	Oanh	Nữ	23/01/1987	Bình Dương	Quản Trị Kinh Doanh	CH20QT02	9.75	5.5	15.25	73	
14	QT	024	Mai Thanh	Bình	nam	28/01/1977	Bình Dương	Quản Trị Kinh Doanh	CH20QT02	8.25	6.5	14.75	77	
15	QT	002	Huỳnh Thị Thu	Hà	Nữ	29/01/1990	Bình Dương	Quản Trị Kinh Doanh	CH20QT02	8	6.5	14.5	81	DUT

Stt	SBD		Họ	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Ngành học	Lớp	Môn 1	Môn 2	Tổng	Điểm Ngoại ngữ	G ch
16	KT	001	Ngô Xuân	Lộc	Nam	09/01/1996	Bình Dương	Kế Toán	CH20KT02	7.75	6	13.75	67	
17	KT	002	Bùi Thị Phương	Thảo	Nữ	19/11/1989	TP. HCM	Kế Toán	CH20KT02	9.5	7	16.5	67	
18	KT	003	Nguyễn Thị Thanh	Nhàn	Nữ	19/05/1990	TP. HCM	Kế Toán	CH20KT02	8.5	5.5	14	67	
19	KT	006	Hồ Thị Mỹ	Dung	Nữ	26/02/1990	Hà Tĩnh	Kế Toán	CH20KT02	8.5	8.5	17	73	
20	KT	007	Võ Phi	Trúc	Nữ	24/03/1978	Bình Dương	Kế Toán	CH20KT02	6.5	9	15.5	70	
21	KT	008	Đoàn Thị Hoàng	An	Nữ	21/06/1985	Bình Dương	Kế Toán	CH20KT02	5.5	8.5	14	Miễn	
22	KT	009	Trần Thị Thanh	Vân	Nữ	08/05/1978	Lào Cai	Kế Toán	CH20KT02	7	9	16	71	
23	KT	010	Trần Thị Kim	Chi	Nữ	24/09/1986	Bình Dương	Kế Toán	CH20KT02	9.5	9	18.5	Miễn	
24	TC	001	Thái Thị Hồng	Nhi	Nữ	08/04/1989	Tây Ninh	Tài Chính - Ngân Hàng	CH20TC02	9	8	17	67.75	
25	TC	002	Đặng Ngọc Minh	Thi	Nữ	02/05/1985	Đồng Tháp	Tài Chính - Ngân Hàng	CH20TC02	7.5	7.5	15	62	
26	TC	003	Võ Thị Thu	Hiền	Nữ	25/04/1990	Bình Dương	Tài Chính - Ngân Hàng	CH20TC02	7.75	7.5	15.25	79	
27	TC	004	Nguyễn Thị Lan	Phương	Nữ	24/01/1992	Bình Phước	Tài Chính - Ngân Hàng	CH20TC02	9	7.5	16.5	76	
28	LK	001	Lê Minh	Hải	Nam	23/04/1993	Bình Dương	Luật Kinh Tế	CH20LK01	8.5	7	15.5	71	
29	LK	002	Trần Huỳnh Hoàng	Long	Nam	29/06/1985	Bình Dương	Luật Kinh Tế	CH20LK01	8	8	16	Miễn	
30	LK	003	Dương Thị	Trang	Nữ	28/05/1984	Bình Phước	Luật Kinh Tế	CH20LK01	8.5	8.75	17.25	66	
31	LK	004	Nguyễn Mạnh	Cường	Nam	04/11/1996	Bến Tre	Luật Kinh Tế	CH20LK01	9	7.25	16.25	71	
32	LK	005	Lê Thị	Hằng	Nữ	18/10/1982	Thanh Hóa	Luật Kinh Tế	CH20LK01	8	5.25	13.25	54	
33	LK	009	Lê Thế	Anh	Nam	01/05/1976	Thanh Hóa	Luật Kinh Tế	CH20LK01	9	9.5	18.5	53	
34	LK	011	Nguyễn Công	Quan	Nam	23/03/1985	Đồng Nai	Luật Kinh Tế	CH20LK01	8.5	8.25	16.75	58	
35	LK	012	Phạm Tùng	Lâm	Nam	11/06/1980	Bình Dương	Luật Kinh Tế	CH20LK01	8.5	6	14.5	58	
36	LK	013	Lê Nguyễn Phương	Trang	Nữ	12/09/1997	Bình Dương	Luật Kinh Tế	CH20LK01	8	7	15	Miễn	

Stt	SBD		Họ	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Ngành học	Lớp	Môn 1	Môn 2	Tổng	Điểm Ngoại ngữ	Ghi chú
37	LK	014	Hồ Thị Thanh	Hải	Nữ	30/04/1979	Quảng Trị	Luật Kinh Tế	CH20LK01	8.5	10	18.5	72	
38	LK	015	Trần Minh	Tuấn	Nam	25/03/1982	Sông Bé	Luật Kinh Tế	CH20LK01	8	6.5	14.5	65	
39	LK	016	Bùi Công	Hoan	Nam	05/01/1981	Bình Dương	Luật Kinh Tế	CH20LK01	8	9.25	17.25	64	
40	LK	017	Trần Thị Hải	Yến	Nữ	10/08/1997	Đắk Nông	Luật Kinh Tế	CH20LK01	9	8.5	17.5	69	
41	LK	018	Trương Thị Bích	Hạnh	Nữ	28/10/1975	Phú Thọ	Luật Kinh Tế	CH20LK01	9.5	10	19.5	71	
42	LK	019	Trần Ngọc	Vân	Nam	13/09/1978	Bình Dương	Luật Kinh Tế	CH20LK01	9	8.25	17.25	70	
43	LK	021	Phạm Hữu	Vinh	Nam	01/08/1987	Bình Dương	Luật Kinh Tế	CH20LK01	7	6.5	13.5	72	
44	LK	022	Nguyễn Ngọc	Sang	Nữ	13/11/1983	Bình Dương	Luật Kinh Tế	CH20LK01	8.5	7	15.5	66	
45	LK	023	Trần Thị	Huê	Nữ	01/01/1986	Bình Dương	Luật Kinh Tế	CH20LK01	8	6.5	14.5	55	
46	LK	024	Trần Ngọc Tuyết	Nhi	Nữ	23/05/1997	Bình Dương	Luật Kinh Tế	CH20LK01	8.5	7.5	16	65	
47	LK	026	Nguyễn Thị Thu	Hồng	Nữ	02/09/1998	Bình Dương	Luật Kinh Tế	CH20LK01	8	5	13	57	
48	LK	027	Trương Thị Hồng	Diệu	Nữ	04/12/1982	Bình Dương	Luật Kinh Tế	CH20LK01	8	7	15	67	
49	LK	029	Tô Thị Trúc	Ly	Nữ	17/09/1991	Bình Dương	Luật Kinh Tế	CH20LK01	8	9	17	71	
50	LK	030	Nguyễn Thị Ngọc	Diễm	Nữ	20/12/1995	Quảng Ngãi	Luật Kinh Tế	CH20LK01	7.5	8.5	16	73	
51	LK	031	Trần Thị Thanh	Tâm	Nữ	29/12/1981	Bình Dương	Luật Kinh Tế	CH20LK01	5.5	6.5	12	72	
52	LK	033	Nguyễn Xuân Thành	Trung	Nam	09/08/1998	Bình Dương	Luật Kinh Tế	CH20LK01	7.5	7	14.5	Miễn	
53	LK	036	Nguyễn Thế	Vọng	Nam	21/06/1981	Nam Định	Luật Kinh Tế	CH20LK01	7.5	9	16.5	66	
54	LK	037	Đỗ Hữu	Trí	Nam	01/02/1976	Bình Dương	Luật Kinh Tế	CH20LK01	7	9	16	69	
55	LK	040	Phạm Cao Duy	Minh	Nam	03/04/1998	Bình Dương	Luật Kinh Tế	CH20LK01	6	8	14	Miễn	
56	LK	041	Nguyễn Gia	Lâm	Nam	01/09/1983	Bình Định	Luật Kinh Tế	CH20LK01	7	6	13	65.75	
57	LK	042	Phạm Đức	Trọng	Nam	14/09/1974	Bình Dương	Luật Kinh Tế	CH20LK01	6.5	8.75	15.25	68.5	

Stt	SBD		Họ	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Ngành học	Lớp	Môn 1	Môn 2	Tổng	Điểm Ngoại ngữ	Gh chú
58	LK	045	Nguyễn Đăng	Thành	Nam	25/04/1990	Nghệ An	Luật Kinh Tế	CH20LK01	8	7.25	15.25	65.5	
59	LK	048	Phan Thị	Dương	Nữ	30/11/1997	Nghệ An	Luật Kinh Tế	CH20LK01	8.5	8.75	17.25	Miễn	
60	LK	051	Huỳnh Ngọc	Chung	Nữ	04/01/1984	Bình Dương	Luật Kinh Tế	CH20LK01	7.5	7.5	15	57.5	
61	LK	054	Lại Thị Ngọc	Liên	Nữ	11/05/1982	Bình Dương	Luật Kinh Tế	CH20LK01	6	6.5	12.5	64.75	
62	LK	055	Đinh Thị Mộng	Tuyết	Nữ	01/02/1983	Bình Dương	Luật Kinh Tế	CH20LK01	7	8.75	15.75	54	
63	LK	056	Trần Thị Thanh	Trúc	Nữ	13/05/1982	Bình Dương	Luật Kinh Tế	CH20LK01	7	7.75	14.75	51.75	
64	LK	058	Nguyễn Hoàng	Anh	Nam	12/04/1998	Quảng Ngãi	Luật Kinh Tế	CH20LK01	5	9.75	14.75	Miễn	
65	LK	061	Nguyễn Thị Mỹ	Dung	Nữ	03/07/1984	Bình Dương	Luật Kinh Tế	CH20LK01	7	8	15	62.25	
66	VH	002	Trương Nguyễn Cát	Phượng	Nữ	11/11/1995	Bình Dương	Văn Học Việt Nam	CH20VH02	7	6.5	13.5	Miễn	
67	VH	004	Tăng Thị	Hương	Nữ	05/11/1987	Gia Lai	Văn Học Việt Nam	CH20VH02	5	8.5	13.5	68.5	
68	VH	006	Giản Thị Thu	Hiền	Nữ	01/10/1984	ĐăkLăk	Văn Học Việt Nam	CH20VH02	6	7.5	13.5	66	
69	AV	001	Phạm Thị Mỹ	Chi	Nữ	11/06/1978	Tây Ninh	Ngôn Ngữ Anh	CH20AV02	5	8	13	Miễn	
70	AV	002	Nguyễn Thị Thanh	Yến	Nữ	27/06/1987	Bình Dương	Ngôn Ngữ Anh	CH20AV02	5	6	11	61	
71	AV	003	Lê Quốc	Việt	Nam	26/02/1975	Cà Mau	Ngôn Ngữ Anh	CH20AV02	6	8.5	14.5	65	
72	AV	004	Nguyễn Mậu	Việt	Nam	12/02/1986	Quảng Bình	Ngôn Ngữ Anh	CH20AV02	8	5	13	79	
73	AV	005	Lê Công	Tường	Nam	20/09/1979	Bình Định	Ngôn Ngữ Anh	CH20AV02	7	5.5	12.5	65	
74	AV	006	Trương Minh	Vũ	Nam	05/04/1992	Bình Dương	Ngôn Ngữ Anh	CH20AV02	5	8.25	13.25	68	
75	AV	007	Nguyễn Thị Nguyệt	Thu	Nữ	01/04/1987	Bình Dương	Ngôn Ngữ Anh	CH20AV02	5	6.75	11.75	76	
76	AV	008	Lê Thị Thúy	Hà	Nữ	06/11/1995	TP. HCM	Ngôn Ngữ Anh	CH20AV02	7.25	7	14.25	Miễn	
77	AV	009	Nguyễn Hoài	Thắng	Nam	30/01/1993	Bình Dương	Ngôn Ngữ Anh	CH20AV02	7	7.75	14.75	78.5	
78	AV	010	Lê Thị	Trang	Nữ	03/01/1993	Bình Dương	Ngôn Ngữ Anh	CH20AV02	7	8.25	15.25	81.5	

Stt	SBD		Họ	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Ngành học	Lớp	Môn 1	Môn 2	Tổng	Điểm Ngoại ngữ	Gh chú
79	AV	011	Hồ Văn	Nghĩa	Nam	10/12/1988	An Giang	Ngôn Ngữ Anh	CH20AV02	8	7	15	77	
80	AV	012	Nguyễn Hoàng Trung	Chánh	Nam	10/08/1993	Bình Dương	Ngôn Ngữ Anh	CH20AV02	6	8	14	72	
81	QL	001	Lê Đăng	Tiến	Nam	14/09/1981	Thanh Hóa	Quản Lý Giáo Dục	CH20QL02	7.5	6.5	14	73.5	
82	QL	002	Hoàng Thị	Hạnh	Nữ	16/12/1990	Thanh Hóa	Quản Lý Giáo Dục	CH20QL02	7.5	7.5	15	79	
83	QL	003	Phan Ngọc	Hiếu	Nữ	15/05/1976	Bình Dương	Quản Lý Giáo Dục	CH20QL02	7.5	6.5	14	Miễn	
84	QL	004	Trần Thị Kim	Hồng	Nữ	06/08/1980	Vũng Tàu	Quản Lý Giáo Dục	CH20QL02	8	7	15	72	
85	QL	005	Trịnh Thị	Trang	Nữ	15/10/1985	Bình Dương	Quản Lý Giáo Dục	CH20QL02	7	8	15	71.5	
86	QL	006	Nguyễn Thị Mộng	Dung	Nữ	28/07/1988	Bình Dương	Quản Lý Giáo Dục	CH20QL02	8	6	14	Miễn	
87	QL	008	Nguyễn Thị	Diệu	Nữ	03/03/1989	Quảng Ngãi	Quản Lý Giáo Dục	CH20QL02	7.5	6.5	14	74	
88	QL	009	Đình Quốc	Thái	Nam	15/07/1985	Bình Dương	Quản Lý Giáo Dục	CH20QL02	7	8	15	76	
89	QL	010	Ngô Thanh	Nga	Nữ	10/06/1982	Bình Dương	Quản Lý Giáo Dục	CH20QL02	8	7	15	Miễn	
90	QL	012	Nguyễn Ngọc	Hiền	Nữ	16/11/1992	TP. HCM	Quản Lý Giáo Dục	CH20QL02	8	7.5	15.5	75.5	
91	QL	013	Lê Thị Kim	Thanh	Nữ	02/11/1991	Sông Bé	Quản Lý Giáo Dục	CH20QL02	7.5	7	14.5	75	
92	QL	015	Ngô Hồng	Minh	Nữ	30/03/1983	Bến Tre	Quản Lý Giáo Dục	CH20QL02	7.5	7	14.5	Miễn	
93	QL	016	Lê Thị Cẩm	Nhung	Nữ	11/08/1977	Bình Phước	Quản Lý Giáo Dục	CH20QL02	7.5	9	16.5	61	
94	QL	017	Bùi Hoàng	Phúc	Nam	25/06/1986	An Giang	Quản Lý Giáo Dục	CH20QL02	7	7	14	68	
95	QL	018	Nguyễn Minh	Danh	Nam	26/12/1980	Bình Dương	Quản Lý Giáo Dục	CH20QL02	8.5	7	15.5	72.5	
96	QL	020	Huỳnh Thị Hồng	Nhiên	Nữ	27/02/1988	Bình Dương	Quản Lý Giáo Dục	CH20QL02	6.5	7.5	14	Miễn	
97	XH	001	Mai Văn	Phụng	Nam	25/02/1994	Bình Thuận	Công Tác Xã Hội	CH20XH02	7	8.5	15.5	74.5	
98	XH	002	Võ Thị Bảo	Xuyên	Nữ	01/12/1978	Bình Dương	Công Tác Xã Hội	CH20XH03	7.5	8	15.5	65	
99	XH	003	Phạm Thị Thúy	Hồng	Nữ	14/07/1972	Long An	Công Tác Xã Hội	CH20XH04	6.5	8	14.5	73.5	

Stt	SBD		Họ	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Ngành học	Lớp	Môn 1	Môn 2	Tổng	Điểm Ngoại ngữ	Ghi chú
100	HT	001	Thái Vĩnh	Tài	Nam	05/02/1997	Tp. Cần Thơ	Hệ Thống Thông Tin	CH20HT02	9	6	15	75	
101	HT	003	Huỳnh Minh	Trí	Nam	29/12/1992	Cà Mau	Hệ Thống Thông Tin	CH20HT02	7	5	12	61.5	
102	HT	004	Trần Thu	Hương	Nữ	06/10/1993	Gia Lai	Hệ Thống Thông Tin	CH20HT02	7.5	7	14.5	60	
103	HT	006	Phạm Hữu	Thành	Nam	04/04/1993	Đắk Lắk	Hệ Thống Thông Tin	CH20HT02	8	5.5	13.5	59	
104	HT	007	Nguyễn Tấn	Lợi	Nam	17/03/1997	Bình Dương	Hệ Thống Thông Tin	CH20HT02	8.5	7.5	16	64.5	
105	HT	008	Trần Phước	Đức	Nam	08/08/1998	Bình Dương	Hệ Thống Thông Tin	CH20HT02	6.5	7.5	14	60.5	
106	HT	009	Lê Thị Thùy	Trang	Nữ	26/06/1998	Thanh Hóa	Hệ Thống Thông Tin	CH20HT02	7.5	6.5	14	65.5	
107	MT	002	Nguyễn Thị Lan	Anh	Nữ	24/12/1998	Bình Dương	Khoa Học Môi Trường	CH20MT02	9	8.5	17.5	68.5	
108	MT	003	Võ Đức	Thường	Nam	19/12/1992	Long An	Khoa Học Môi Trường	CH20MT03	8	9	17	63	
109	MT	005	Ngô Thị Trúc	Ngân	Nữ	07/11/1995	TP. HCM	Khoa Học Môi Trường	CH20MT04	7	7.5	14.5	55.5	
110	MT	006	Trịnh Tiểu	Linh	Nữ	26/08/1997	TP. HCM	Khoa Học Môi Trường	CH20MT05	7	7.25	14.25	70.25	
111	MT	007	Nguyễn Vĩnh	Hòa	Nam	30/08/1994	Bình Dương	Khoa Học Môi Trường	CH20MT06	10	7.75	17.75	76.5	
112	MT	008	Đỗ Thanh	Tú	Nam	17/06/1993	Bình Định	Khoa Học Môi Trường	CH20MT07	8	9	17	65.25	

Tổng danh sách: 112 thí sinh



TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỦ DẦU MỘT
HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH SAU ĐẠI HỌC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾT QUẢ XÉT TUYỂN THÍ SINH TRÚNG TUYỂN

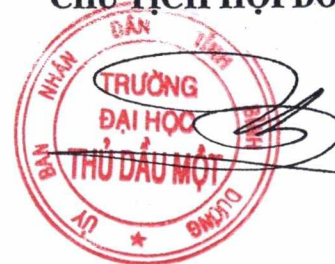
Kỳ thi tuyển sinh cao học Khóa 8 (đợt 2) năm 2020

(Ban hành kèm theo QĐ số /QĐ-ĐHTDM ngày tháng năm 2020
của Hiệu trưởng Trường Đại học Thủ Dầu Một)

Căn cứ kết quả của Hội đồng xét tuyển thẳng, kỳ thi tuyển sinh cao học khóa 8 (đợt 2) năm 2020. Hội đồng tuyển sinh thông báo kết quả như sau.

Stt	Họ và tên	Sinh ngày	Nơi sinh	Ngành xét tuyển	ĐTBT ĐH	Điểm xét tuyển	Tổng ngoại ngữ	Kết quả xét tuyển
1	Lê Thị Trang	18/04/1997	Thanh Hóa	Kế Toán	8,48	7,75	79,00	TT
2	Phạm Mỹ Duyên	02/01/1994	Ninh Bình	Quản trị kinh doanh	8,30	8.16	86,00	TT
3	Nguyễn Thị Hồng Thắm	03/05/1998	Bình Dương	Quản trị kinh doanh	8,11	7.70	Miễn	TT
4	Lương Thị Thu Trang	19/11/1996	Bình Dương	Khoa học môi trường	8,48	9.33	78,75	TT
5	Nguyễn Thị Diễm Quyên	08/07/1998	Bình Dương	Văn học Việt Nam	8,03	8.00	76,00	TT
6	Phạm Nguyễn Hữu Thiện	10/07/1998	TPHCM	Hệ Thống Thông Tin	8,38	8.00	Miễn	TT

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH



PGS-TS. Hoàng Trọng Quyên